

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1239/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 03 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền
đối với phần vốn của UBND tỉnh Phú Thọ đầu tư vào doanh nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01/08/2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, Công chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty TNHH Một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm người đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh tại Văn bản số 486/SKH&ĐT-BĐMPTDN ngày 26/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của UBND tỉnh Phú Thọ đầu tư vào doanh nghiệp”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh; Doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thuộc UBND tỉnh quản lý; Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của UBND tỉnh Phú Thọ đầu tư vào doanh nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, PCVP (Ồ Xuyên);
- CV: NCTH;
- Lưu VT, TH4, TH2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Cúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của UBND tỉnh Phú Thọ đầu tư vào doanh nghiệp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1239/QĐ-UBND ngày 03/6/2014
của UBND tỉnh Phú Thọ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước do UBND tỉnh Phú Thọ quản lý (sau đây gọi là chủ sở hữu) đầu tư vào doanh nghiệp; mối quan hệ giữa chủ sở hữu và Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu (dưới vai trò là cổ đông, thành viên góp vốn) tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại:

- a) Doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- b) Doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (gọi tắt là Người đại diện) là cá nhân được Chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu phần vốn nhà nước, bao gồm:

- a) Người đại diện là người làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp.
- b) Người đại diện là cán bộ, công chức thuộc cơ quan hành chính nhà nước được cử hoặc chỉ định làm Người đại diện kiêm nhiệm tại doanh nghiệp.

Chương II

**TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN,
NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA
NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

Điều 3. Người đại diện theo ủy quyền có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có đủ năng lực hành vi dân sự.
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.
4. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.
5. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng, kinh nghiệm thực tế từ ba (03) năm trở lên về quản lý tài chính doanh nghiệp, về kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của vị trí được ủy quyền làm Người đại diện.
6. Không là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý, điều hành doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước và của người có thẩm quyền quyết định việc ủy quyền làm Người đại diện.
7. Người đại diện tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng với chức danh đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của doanh nghiệp; các tiêu chuẩn của chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Luật cán bộ công chức đối với người được cử làm đại diện tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước.
8. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
9. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Số lượng Người đại diện và nội dung văn bản ủy quyền đối với Người đại diện

1. Chủ sở hữu quyết định về số lượng, thành phần, cơ cấu Người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp có phần vốn nhà nước theo các căn cứ sau:
 - a) Quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp;
 - b) Tỷ lệ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;
 - c) Ngành nghề kinh doanh và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - d) Chiến lược và mục tiêu phát triển doanh nghiệp theo định hướng của nhà nước;
 - đ) Các quy định khác của pháp luật.

Trường hợp Chủ sở hữu ủy quyền cho từ 02 (hai) Người đại diện trở lên thì

Chủ sở hữu xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho mỗi Người đại diện và giao cho một người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung (gọi tắt là Người đại diện phụ trách chung).

2. Việc ủy quyền của Chủ sở hữu cho Người đại diện phải thực hiện bằng văn bản. Văn bản ủy quyền bao gồm các nội dung sau:

- a) Nhiệm vụ giao cho Người đại diện;
- b) Đánh giá hoạt động của Người đại diện;
- c) Miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện;
- d) Quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, thù lao trả cho Người đại diện theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- đ) Quy định về việc bồi thường vật chất trong trường hợp Người đại diện có hành vi gây thiệt hại đến lợi ích của Chủ sở hữu và tổ chức, cá nhân có liên quan;
- e) Những nội dung khác (nếu có).

Điều 5. Chế độ hoạt động của Người đại diện

1. Người đại diện làm việc theo chế độ:

- a) Chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc/Ban Giám đốc).
- b) Kiêm nhiệm trong Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện:

- a) Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện do Chủ sở hữu quyết định theo nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị.
- b) Trường hợp có sự thay đổi Người đại diện trong nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị thì thời hạn ủy quyền Người đại diện là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị đó.

3. Người đại diện đã được Chủ sở hữu ủy quyền thì không được giao, ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được chủ sở hữu phân vốn nhà nước ủy quyền, cho ý kiến.

Điều 6. Nhiệm vụ của Người đại diện

1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn do Chủ sở hữu giao:

a) Người đại diện tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải xin ý kiến Chủ sở hữu bằng văn bản để tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung sau:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;
- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám

đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm;

- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm;

- Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

b) Người đại diện tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ được tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung sau:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng

thành viên, thành viên Ban kiểm soát; đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng,

chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;

- Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được

quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của doanh nghiệp.

Đối với những nội dung không được quy định ở trên nhưng làm thay đổi lợi ích của nhà nước như: làm giảm phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc làm giảm tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các lợi ích khác của nhà nước tại doanh nghiệp (nếu có) thì Người đại diện phải xin ý kiến Chủ sở hữu bằng văn bản trước khi có ý kiến biểu quyết, quyết định.

2. Trách nhiệm báo cáo của Người đại diện

a) Các hình thức Báo cáo

- Báo cáo định kỳ:

Đối với Người đại diện tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác của doanh nghiệp, Người đại diện có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp (theo mẫu số 01 đính kèm quy chế này) và định kỳ 6 tháng, hàng năm, lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP và Biểu 01- Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 158/2013/TT-BTC.

Đối với Người đại diện tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: Định kỳ 6 tháng, năm Người đại diện có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp (theo mẫu số 02 đính kèm quy chế này) và định kỳ hàng năm lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 21 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP và Biểu 02- Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 158/2013/TT-BTC.

Thời hạn Người đại diện gửi báo cáo cho Chủ sở hữu, đồng gửi Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan):

Đối với báo cáo quý: Chậm nhất vào ngày 25 của tháng liền kề sau Quý. Đối với báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 31/7 hàng năm.

Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 31/3 hàng năm.

- Báo cáo theo yêu cầu đột xuất:

Căn cứ mục đích quản lý của Chủ sở hữu, yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, trên cơ sở thông báo bằng văn bản của Chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Người đại diện cung cấp các thông tin có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính của doanh nghiệp. Khi được yêu cầu, Người đại diện có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung như yêu cầu của Chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

- Báo cáo bất thường:

Người đại diện có trách nhiệm, nghĩa vụ báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Chủ sở hữu những thông tin bất thường có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh

doanh của doanh nghiệp hoặc ảnh hưởng tới lợi ích của doanh nghiệp, của Chủ sở hữu trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Người đại diện có được các thông tin bất thường của doanh nghiệp như: tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng bị phong tỏa; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; có quyết định khởi tố đối với Ban quản lý điều hành doanh nghiệp, Kế toán trưởng của doanh nghiệp; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; có kết luận kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước và các tranh chấp về tài sản, vốn, đất đai, lao động, các nội dung bất thường khác (nếu có).

b) Phương thức báo cáo

- Người đại diện báo cáo Chủ sở hữu, các cơ quan quản lý nhà nước bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, các cơ quan quản lý nhà nước về nội dung đã báo cáo.

- Các văn bản xin ý kiến Chủ sở hữu của Người đại diện (theo Mẫu số 03 đính kèm Quy chế này) phải gửi đến cho Chủ sở hữu phần vốn nhà nước với thời hạn ít nhất trước 05 ngày làm việc (theo dấu công văn đến) để Chủ sở hữu có ý kiến (trừ trường hợp đã ghi rõ thời hạn).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp [Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có)], Người đại diện phải gửi Biên bản cuộc họp và các tài liệu liên quan khác đến Chủ sở hữu (Mẫu số 04 đính kèm Quy chế này).

Trường hợp không thể đảm bảo thời gian đã nêu vì lý do bất khả kháng thì Người đại diện phải thông báo cho Chủ sở hữu thông qua các phương tiện thông tin (điện thoại, fax, email) để Chủ sở hữu có ý kiến.

- Đối với các thông tin, tài liệu mật, việc cung cấp thông tin giữa Người đại diện với Chủ sở hữu hoặc các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Quyền hạn của Người đại diện

1. Được Chủ sở hữu xem xét chỉ định tham gia Hội đồng thành viên hoặc đề cử để tham gia Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Được Chủ sở hữu ủy quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp theo số cổ phần (mức vốn) được ủy quyền đại diện. Đối với các nội dung phải xin ý kiến Chủ sở hữu thì sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu, Người đại diện phải tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định theo đúng ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của Chủ sở hữu. Trường hợp có nội dung phát sinh thêm chưa xin được ý kiến chỉ đạo thì đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau.

3. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), thù lao, các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật

thông tin do Chủ sở hữu phần vốn nhà nước tổ chức.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp theo ủy quyền.

Điều 8. Nghĩa vụ của Người đại diện

1. Người đại diện tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp do mình làm Người đại diện; các quy định của Chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, các quyền, trách nhiệm của mình.

2. Thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh; giám sát tình hình tài chính; gửi các báo cáo định kỳ (quý, năm), báo cáo bất thường và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ sở hữu, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo kịp thời, đề xuất những giải pháp đối với Chủ sở hữu về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ; không đảm bảo khả năng thanh toán; đầu tư không đúng mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Mối quan hệ giữa Người đại diện và Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu có trách nhiệm:

a) Chỉ định hoặc cử Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp;

b) Miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.

đ) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nhà nước tại doanh nghiệp. Yêu cầu Người đại diện báo cáo (quý, năm) việc thực hiện nhiệm vụ được giao, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Người đại diện.

e) Ban hành Quy chế đánh giá Người đại diện theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở đó quyết định việc trả lương, thù lao, tiền thưởng, lợi ích khác (nếu có) cho Người đại diện; quy định bằng văn bản về sự phân công, phối hợp giữa những người đại diện (trường hợp có từ hai Người đại diện trở lên) tại doanh nghiệp và giữa Người đại diện với Chủ sở hữu.

g) Có ý kiến chỉ đạo kịp thời bằng văn bản khi Người đại diện xin ý kiến trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận theo dấu công văn đến hoặc nhận thông báo qua các phương tiện thông tin: điện thoại, fax, email) hoặc thời hạn khác theo yêu cầu để Người đại diện biết và thực hiện. Trường hợp tài liệu không đủ, không có cơ sở để tham gia ý kiến thì trong vòng ba (03) ngày làm việc

(kể từ khi nhận được tài liệu, nhận được thông báo qua các phương tiện thông tin), Chủ sở hữu phần vốn nhà nước phải có văn bản để Người đại diện biết và bổ sung hoàn chỉnh tài liệu, thông tin.

h) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ tại Điều 6 Quy chế này và các nội dung sau đây:

a) Tháng 01 hàng năm, xây dựng chương trình kế hoạch công tác năm báo cáo Chủ sở hữu.

Trong đó, đối với Người đại diện tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải đề xuất kế hoạch, phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp do mình làm Người đại diện để Chủ sở hữu phê duyệt nhằm hướng doanh nghiệp thực hiện các mục tiêu, chiến lược của nhà nước.

b) Xây dựng Quy chế hoạt động của Người đại diện trình Chủ sở hữu phê duyệt.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Người đại diện phải gửi cho Chủ sở hữu báo cáo đánh giá tình hình và nội dung hoạt động của Người đại diện.

Điều 10. Môi quan hệ giữa Người đại diện và Doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước

1. Doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các Hồ sơ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính, những nội dung khác (nếu có) cho Người đại diện khi được yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.

2. Người đại diện khi gửi báo cáo cho Chủ sở hữu và các cơ quan quản lý nhà nước thì đồng thời gửi báo cáo đó cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác với nội dung báo cáo, đánh giá nhận xét của Người đại diện thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Người đại diện, doanh nghiệp phải có văn bản gửi đến Chủ sở hữu để được xem xét.

3. Người đại diện tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trước khi gửi báo cáo cho Chủ sở hữu lấy ý kiến của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác với nội dung báo cáo, đánh giá nhận xét của Người đại diện thì doanh nghiệp trực tiếp bàn bạc, giải thích các nội dung khác đó với Người đại diện để có sự đồng thuận trong báo cáo đánh giá, nhận xét. Sau khi bàn bạc nếu còn ý kiến khác nhau thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Môi quan hệ giữa các Người đại diện

1. Người đại diện chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được Chủ sở hữu giao, đồng thời cùng với các Người đại diện khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các Người đại diện (trường hợp doanh nghiệp có từ 02 người đại diện trở lên).

2. Người đại diện được Chủ sở hữu giao là Người đại diện phụ trách chung chịu trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia, các số liệu của các Người đại diện vào các báo cáo, chương trình kế hoạch công tác để gửi cho Chủ sở hữu, bao gồm cả chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các Người đại diện (trong trường hợp doanh nghiệp có từ 02 người đại diện trở lên).

Chương III TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức, thực hiện

- Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện các hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo Quy chế này.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (Qua sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh) để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Cúc

Mẫu số 01**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU QUÝ - NĂM.....****A. Một số thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy đăng ký kinh doanh: Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt:
5. Số Điện thoại: FAX:
6. Vốn điều lệ: triệu đồng
- Trong đó:* Vốn góp của Nhà nước: triệu đồng
7. Vốn Chủ sở hữu hiện có đến cuối quý: triệu đồng

B. Một số chỉ tiêu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT		
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT		
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT		
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT		
1. Tài sản cố định	220-BCĐKT		
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT		
2. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259-BCĐKT		

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT		
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT		
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT		
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT		
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD		
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD		
- Thu nhập khác	31-BCKQKD		
2. Tổng chi phí			
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD		
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD		
VI. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách Trong đó: các loại thuế			
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)			
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)			
4. Tổng Quỹ lương			
5. Số lao động bình quân			
6. Tiền lương bình quân người/năm			

(Gửi kèm báo cáo tài chính Quý năm và các tài liệu liên quan khác).

C. Phân tích đánh giá và kiến nghị các nội dung sau:

1. Tình hình và kết quả kinh doanh: tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận ...những yếu tố thuận lợi và khó khăn .
2. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư (kế hoạch đầu tư, khối lượng thực hiện, tình hình và khả năng thanh toán vốn đầu tư...); tình hình đầu tư

tài chính dài hạn.....

3. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, nguyên nhân và giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải trả quá hạn.

4. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước.

5. Tình hình thực hiện các khoản thu như: thu từ bán cổ phần khi cổ phần hóa, thu từ bán tiếp cổ phần nhà nước, thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia....

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

7. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, tình hình thực hiện nhiệm vụ được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước giao.....

8. Các nội dung khác.....

Kiến nghị:

D. Lưu ý về tình hình tài chính của Doanh nghiệp (nếu có) :

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
6 THÁNG , NĂM 20...**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy đăng ký kinh doanh: Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt:
5. Số Điện thoại: FAX:
6. Vốn điều lệ: triệu đồng
- Trong đó:* Vốn góp của nhà nước: triệu đồng
7. Vốn Chủ sở hữu hiện có đến cuối quý II/năm: triệu đồng

1. Tóm tắt hoạt động của Doanh nghiệp 6 tháng, Năm

- a) Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh (Tổng Doanh thu và thu nhập, Lãi (Lỗ), Số đã nộp ngân sách)
- b) Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- c) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư : đầu tư TSCĐ, đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn).
- d) Tình hình nợ phải thu trong đó nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi.
- đ) Tình hình và khả năng thanh toán nợ (tổng số nợ vay, số phải trả nợ trong quý, cân đối nguồn trả nợ, thừa (thiếu) nguồn trả nợ).
- e) Việc thực hiện các công việc được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước giao, việc thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp, biểu quyết.
- g) Những nội dung khác (nếu có)
- h) Những khó khăn vướng mắc.

2. Lưu ý về tình hình tài chính của Doanh nghiệp (nếu có) :**3. Đánh giá và kiến nghị:**

Các tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính Quý
- Các tài liệu khác có liên quan

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03**Ý KIẾN VỀ NỘI DUNG HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Kính gửi: Chủ sở hữu phần vốn nhà nước (Bộ, UBND)

Họ và tên Người đại diện được ủy quyền: Tên doanh nghiệp:

Chức danh Người đại diện (nếu có):

Với tư cách là người được (Bộ, UBND) ủy quyền đại diện phần vốn nhà nước tại, Tôi (chúng tôi) sẽ tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị/ Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên của ngày tháng năm

Tôi (chúng tôi) xin báo cáo vấn đề sau:

1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của doanh nghiệp (trong quý....., năm) :.....
2. Những nội dung cần xin ý kiến:

Căn cứ theo quy định Điều Quy chế hoạt động Người đại diện:.....

Đề nghị Bộ, UBNDcho ý kiến để tôi (chúng tôi) tham gia ý kiến, quyết định, biểu quyết đối với các vấn đề sau:

STT	Nội dung vấn đề	Ý kiến của Người đại diện	Lý do
1			
2			

* Nếu giữa các Người đại diện có ý kiến khác phải ghi đầy đủ ý kiến của từng người (trường hợp có từ 02 Người đại diện trở lên).

Tài liệu đính kèm

- Chương trình cuộc họp
- Các tài liệu liên quan (nếu có)

Ngày tháng năm

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

**BÁO CÁO KẾT QUẢ XIN Ý KIẾN
(HOẶC KẾT QUẢ HỌP, BIỂU QUYẾT)**

Kính gửi: Chủ sở hữu phần vốn nhà nước (Bộ , UBND...)

Họ và tên Người đại diện được ủy quyền:

Tên doanh nghiệp:

Chức danh Người đại diện (nếu có):

Ngày tháng năm

Người đại diện đã xin ý kiến và Chủ sở hữu phần vốn nhà nước đã có ý kiến tại văn bản.....

Ngày cuộc họp về việc.....

đã diễn ra, tóm tắt kết quả cuộc họp và báo cáo cụ thể:

STT	Nội dung vấn đề	Ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu	Ý kiến của Người đại diện đã tham gia, biểu quyết, quyết định	Ý kiến cuối cùng tại cuộc họp	Ghi chú

Tài liệu đính kèm

- Biên bản cuộc họp
- Các tài liệu liên quan nếu có

Ngày tháng năm

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)